

# PHÂN TÍCH YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TẠI HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

**Nguyễn Xuân Quyết**

*Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM*

Email: *quyetnx@hufi.edu.vn*

Ngày nhận bài: 13/11/2020; Ngày chấp nhận đăng: 05/3/2021

## TÓM TẮT

Năm 2017-2019, UBND Huyện Vĩnh Lợi đã huy động làm mới 151,05 km và nâng cấp 115,1 km đường giao thông nông thôn (GTNT) và hàng trăm cây cầu. Đóng góp của cộng đồng chiếm gần 5,74% tổng kinh phí 973,85 tỷ đồng. Về nguyên tắc, dự án có nguồn vốn đóng góp của cộng đồng phải có sự tham gia quản lý, giám sát từ khi lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện, đến hưởng lợi của cộng đồng. Tuy nhiên, cơ chế và mô hình quản lý sự tham gia còn biểu hiện nhiều bất cập, năng lực về quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến nhiều sai phạm, gây nghi ngờ trong cộng đồng, thậm chí có trường hợp phát sinh khiếu nại, khiếu kiện gây mất đoàn kết, v.v. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích 04 nhóm yếu tố ảnh hưởng, gồm: Trình độ quản lý; Cơ chế và mô hình quản lý; Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng; Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia và dựa vào kết quả khảo sát 120 đại diện các tổ chức cộng đồng tham gia trên địa bàn nghiên cứu, nghiên cứu này đề xuất 04 nhóm giải pháp tăng cường quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng (CSHT) GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và Việt Nam.

*Từ khóa:* Quản lý sự tham gia, sự tham gia của cộng đồng, cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn.

## 1. GIỚI THIỆU

Sự tham gia quản lý của cộng đồng hiện chủ yếu do chính quyền cử cán bộ quản lý, phát động đoàn thể, lựa chọn dựa trên sự tự nguyện, thiếu đào tạo cơ bản về quản lý nên hiệu quả không đảm bảo; Đặc thù cộng đồng tham gia (người dân, đoàn thể, doanh nghiệp và chính quyền) vốn đa dạng và phức tạp, đặc biệt cộng đồng người dân nông thôn, trình độ dân trí thấp, lại không đồng đều, nên khó quản lý. Do vậy, đội ngũ quản lý cộng đồng nói chung cần được tập huấn, đào tạo thường xuyên [1].

Thực tiễn cho thấy đa số cán bộ cơ sở còn yếu về trình độ kiến thức chuyên môn, kỹ năng công tác trong lĩnh vực quản lý sự tham gia của cộng đồng, như: trình độ quản lý hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, không đảm bảo chuyên môn, kỹ năng giao tiếp cộng đồng còn yếu, hiệu quả làm việc thấp [2]. Hiện tại huyện Vĩnh Lợi chưa có một phương pháp thống nhất nào để quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Vì vậy, cần có một phương pháp cụ thể để nhanh chóng xác lập các ưu tiên tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Việc quản lý sự tham gia hiện chủ yếu do mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị đoàn thể quản lý điều hành chưa có mô hình phù hợp cho từng đơn vị, nên các phương pháp và tổ chức còn bộc phát mang nhiều tiêu cực, lãng phí, thiếu tính minh bạch rõ ràng [3].

Công trình nghiên cứu trong nước của Đinh Tuấn Hải và Nguyễn Xuân Quyết (2014), Nguyễn Xuân Quyết (2016) tập trung vào nghiên cứu đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia, chưa đề cập nhiều đến quản lý sự tham gia [4, 5]; Nghiên cứu của Đinh Tuấn Hải và Nguyễn Xuân Quyết (2015) có đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT, cũng chưa nghiên cứu sâu về quản lý sự tham gia [6]. Nghiên cứu của Huỳnh Sử (2019) và Lê Thị Thanh Hương (2015) đã chỉ ra việc quản lý sự tham gia là quan trọng vừa ảnh hưởng đến quyết định tham gia của cộng đồng (đặc biệt cộng đồng người dân), vừa nâng cao hiệu quả tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT nhưng chưa chỉ rõ các yếu tố nào ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng [7, 8].

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài của World Bank (2014) có chia sẻ về một số kinh nghiệm quản lý sự tham gia của cộng đồng, như cần có cơ chế và mô hình quản lý sự tham gia, và việc quản lý cần dựa vào cộng đồng nhưng chưa nói rõ phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia với đặc thù của mỗi đối tượng và cộng đồng khác nhau [9]. Hướng dẫn cộng đồng tham gia có hiệu quả (The to Guide the community to participate effectively) của David Wilcox (2003), có nêu các vấn đề then chốt trong quản lý sự tham gia của cộng đồng, hướng đến cộng đồng tham gia có hiệu quả cũng chỉ đề cập đến việc cần quản lý và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý cộng đồng [10].

Có thể kết luận, hiện chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào phân tích tổng quát các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

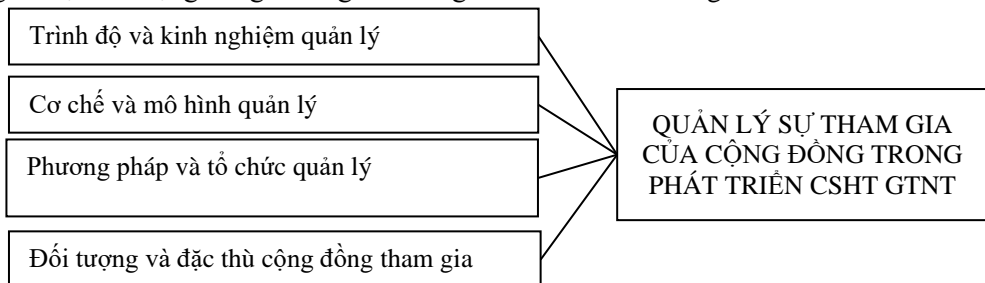
## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Chỉ tiêu và mô hình nghiên cứu

Theo Jurian Edelenbos and Erik-Hans Klijn (2006), quản lý sự tham gia của cộng đồng là quản lý những đóng góp của cộng đồng, như: vật chất, tiền bạc, công lao động, hiến đất, ý kiến, v.v. Quản lý sự tham gia của cộng đồng phụ thuộc vào trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng, như: Trình độ nhận thức, chuyên môn và kinh nghiệm của quản lý cộng đồng; Phương pháp và tổ chức quản lý cộng đồng tham gia, đồng thời cần thường xuyên đánh giá hiệu quả quản lý sự tham gia [11].

Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT là một quá trình liên tục xuyên suốt từ khâu: Xác định nhu cầu và quy hoạch; Lập dự toán và chính sách tham gia đến thụ hưởng và đánh giá hiệu quả. Các yếu tố ảnh hưởng (khách quan và chủ quan) đến quản lý sự tham gia, gồm: Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia, Mô hình quản lý cộng đồng phù hợp từng địa phương, Quy chế dân chủ cơ sở xuyên suốt, Cơ chế ghi nhận đóng góp cho quản lý sự tham gia [12].

Từ nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực hiện phỏng vấn chuyên gia, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT, gồm: Trình độ và kinh nghiệm quản lý, Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng, Phương pháp và tổ chức quản lý, Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia... tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu, phân tích đánh giá

- *Phương pháp thu thập thông tin*: thông tin số liệu sử dụng trong nghiên cứu này gồm: các công trình nghiên cứu và các báo cáo có liên quan của các bộ, sở, ban, ngành... (Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, các Sở Ban ngành địa phương; Số liệu sơ cấp tổng hợp từ kết quả khảo sát trực tiếp 120 đại diện cộng đồng người dân, chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp tham gia đóng góp (vật chất, lao động, tiền và ý kiến), các đơn vị nhà thầu, xây dựng liên quan.

- *Tiếp cận nghiên cứu*: tiếp cận hệ thống, thể chế, chính sách và tiếp cận có sự tham gia được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu*: (i) Nghiên cứu định tính: tác giả xây dựng bảng câu hỏi sơ bộ và thực hiện phỏng vấn 20 lãnh đạo, đại diện các tổ chức cộng đồng, chuyên gia liên quan, nhằm xác định chỉ tiêu nghiên cứu, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Kết quả là cơ sở xây dựng bảng khảo sát chính thức nhằm kiểm định thang đo gồm 04 biên độc lập, với 20 biên quan sát, đảm bảo khách quan và minh chứng cho kết quả nghiên cứu; (ii) Nghiên cứu định lượng: khảo sát 120 bảng câu hỏi khảo sát, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 22.0 phân tích số liệu, đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Dựa vào kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng và thảo luận đề xuất một số giải pháp và mô hình quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu và Việt Nam.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

#### 3.1.1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Kết quả thống kê mô tả thang điểm Likert đối với các biến nghiên cứu của các nhóm yếu tố đều được đánh giá ở mức trên trung bình ( $5 \text{ điểm} / 2 = 2,5 \text{ điểm}$ ):

Bảng 1. Thống kê mô tả thang đo

Mã hoá	Mô tả thang đo	Mức trung bình	Độ lệch chuẩn
Y	Quản lý sự tham gia của cộng đồng	0,992	0,0913
<i>Yếu tố "Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia"</i>			
TĐ1	Trình độ nhận thức của quản lý cộng đồng	4,558	0,671
TĐ2	Trình độ chuyên môn của quản lý cộng đồng	4,433	0,827
TĐ3	Kinh nghiệm của quản lý cộng đồng	4,475	0,799
TĐ4	Khả năng tập hợp được các cộng đồng	4,500	0,733
TĐ5	Khả năng tuyên truyền, thu hút sự tham gia	4,600	0,640
<i>Yếu tố "Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia"</i>			
MH1	Cơ chế cho quản lý cộng đồng công khai	4,633	0,721
MH2	Chính sách cho quản lý cộng đồng minh bạch	4,600	0,679
MH3	Mô hình quản lý cộng đồng phù hợp từng địa phương	4,592	0,667

MH4	Quy chế dân chủ cơ sở xuyên suốt	4,625	0,649
MH5	Cơ chế ghi nhận đóng góp cho quản lý sự tham gia	4,650	0,706
<i>Yếu tố “Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng”</i>			
PP1	Phương pháp quản lý cộng đồng tham gia linh hoạt và hiệu quả	4,583	0,681
PP2	Tổ chức quản lý cộng đồng tham gia khoa học và chặt chẽ	4,608	0,725
PP3	Xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý sự tham gia	4,600	0,760
PP4	Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát quản lý sự tham gia	4,650	0,630
PP5	Đánh giá hiệu quả quản lý sự tham gia của cộng đồng thường xuyên	4,625	0,699
<i>Yếu tố “Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia”</i>			
ĐĐ1	Đối tượng tham gia của cộng đồng nông thôn đa dạng	4,600	0,678
ĐĐ2	Đặc thù cộng đồng nông thôn có tính phức tạp	4,517	0,809
ĐĐ3	Trình độ văn hoá và nhận thức của cộng đồng hạn chế	4,592	0,655
ĐĐ4	Điều kiện kinh tế của cộng đồng tham gia khó khăn	4,475	0,840
ĐĐ5	Ý thức cộng đồng nông thôn có tính gắn kết	4,500	0,879

Các thang đo phù hợp với mô hình nghiên cứu, các nhóm yếu tố Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng; Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia; Phương pháp và tổ chức quản lý cộng đồng tham gia; Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia đều có ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT.

### 3.1.2. Phân tích độ tin cậy thang đo - Cronbach's Alpha

#### - Cronbach's Alpha thang đo “Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia”

Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của biến độc lập “Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia” gồm 05 biến quan sát có hệ số Cronbach's Alpha = 0,939 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt. Hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3. Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến (Cronbach's Alpha if Item Deleted) đều nhỏ hơn Cronbach's Alpha nên 05 biến đo lường yếu tố này đều được sử dụng trong các phân tích tiếp theo (Bảng 1).

#### - Cronbach's Alpha thang đo “Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia”

Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của biến độc lập “Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng” gồm 5 biến quan sát có hệ số Cronbach's Alpha = 0,931 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt (Bảng 1). Hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3. Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến (Cronbach's Alpha if Item Deleted) đều nhỏ hơn Cronbach's Alpha nên 05 biến đo lường yếu tố này đều được sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

#### - Cronbach's Alpha thang đo “Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng”

Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của biến độc lập “Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia” (Bảng 1) gồm 05 biến quan sát có Cronbach's Alpha = 0,900 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt. Hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3. Bên cạnh đó, hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến của các biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha nên 05 biến đo lường yếu tố này đều được sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

- Cronbach's Alpha thang đo "Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia"

Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của biến độc lập "Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia" gồm 05 biến quan sát có Cronbach's Alpha = 0,921 > 0,6 nằm trong mức đo lường tốt (Bảng 1). Hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3. Bên cạnh đó, hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến của các biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha nên 5 biến đo lường yếu tố này đều được sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

3.1.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

- Phân tích nhân tố EFA thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát CSHT GTNT

Hệ số KMO = 0,823 ( $0,5 < KMO < 1$ ), là chỉ số so sánh độ lớn của hệ số tương quan giữa các biến với hệ số tương quan riêng phần của chúng. Thống kê Chi-Square (Chi bình phương) của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 996,455 với mức ý nghĩa Sig = 0,000 cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau xét trên phạm vi tổng thể (Bảng 2). Kết quả phân tích EFA cho thấy tổng phương sai trích đạt 86,893% (> 50%) thể hiện rằng 04 yếu tố rút ra này giải thích được 86,893% biến thiên của dữ liệu. Điểm dừng khi rút trích các yếu tố tại yếu tố thứ 4 với Eigenvalues là 4,345 > 1, cho thấy kết quả phân tích yếu tố là phù hợp. Các biến quan sát có hệ số tải yếu tố đạt yêu cầu > 0,5, không có biến quan sát nào có hệ số tải tải lên đồng thời trên cả hai yếu tố, vậy các thang đo đạt giá trị hội tụ (Bảng 2).

Bảng 2. Bảng kiểm định KMO về tính phù hợp của việc lấy mẫu KMO and Bartlett's Test

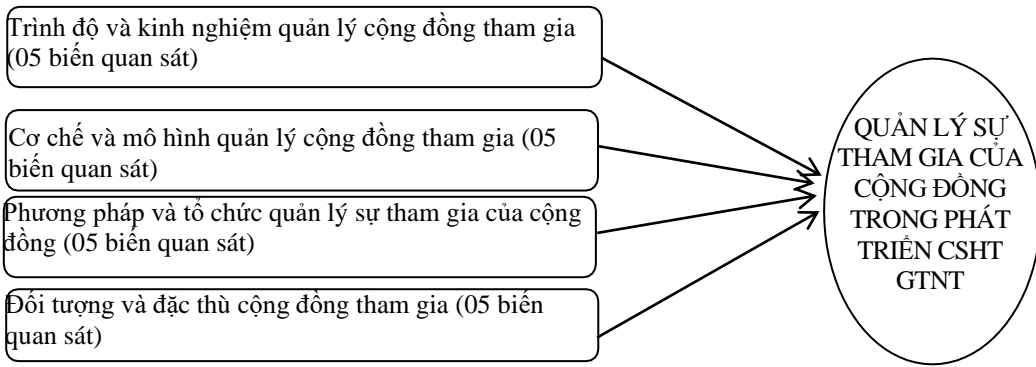
Kiểm định Kaiser-Meyer-Olkin về sự thích hợp của mẫu		<b>0,823</b>
Kiểm định Bartlett's về cấu hình của mẫu	Trương đương Chi Bình phương	996,455
	Df	
	Sig	<b>0,000</b>

- Tính toán lại hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các yếu tố

Căn cứ vào kết quả phân tích EFA, rút ra được 04 yếu tố với 20 biến quan sát. Việc đặt tên và giải thích các yếu tố dựa trên cơ sở nhận ra các biến quan sát có hệ số tải yếu tố (factor loading) lớn nằm trong cùng một yếu tố. Như vậy, yếu tố này có thể giải thích bằng các biến có hệ số lớn nằm trong nó. Qua kết quả phân tích EFA cho thấy các biến quan sát tác giả đưa ra từng yếu tố vẫn giữ nguyên, chứng tỏ các biến quan sát ban đầu đặt ra có đo lường cùng một khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu, tác giả đặt tên mới giống như tên cũ ban đầu.

- Mô hình nghiên cứu điều chỉnh

Mô hình lý thuyết đề xuất 04 yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát CSHT GTNT, có 20 biến quan sát giải thích cho 04 yếu tố này. Sau khi đánh giá thang đo bằng Cronbach's Alpha và EFA, hầu như các nhóm biến quan sát thuộc các yếu tố không thay đổi. Mô hình nghiên cứu điều chỉnh giống với mô hình nghiên cứu đề xuất, số lượng các yếu tố vẫn giữ nguyên 04 yếu tố với 20 biến quan sát (Hình 2).



Hình 2. Mô hình nghiên cứu điều chỉnh

3.1.4. Phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định mô hình

Tác giả xây dựng phương trình hồi quy có dạng như sau [13]:

$$Y_i = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i$$

Trong đó: +  $Y_i$ : Hàm kết quả - Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT

+  $\beta$  ( $0, i = 1 \div n$ ): mức độ tác động, với  $\beta_0$   $i, \beta_i$ : Hằng số hồi quy và các hệ số của phương trình hồi quy của các yếu tố,  $i$  tương ứng ( $i = 1, 2, 3, 4$ ).

+  $X_i$ : X1. Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia; X2. Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia; X3. Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng; X4. Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia là các nhóm yếu tố tác động đến Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT.

- Giả định về tính độc lập của sai số (Không có tương quan giữa các phần dư)

Đại lượng thống kê Durbin-Watson có thể dùng để kiểm định tương quan của các sai số kề nhau. Kết quả Bảng 3 cho thấy giá trị thống kê Durbin-Watson là 1,937 gần bằng 2, nghĩa là chấp nhận giả định rằng không có sự tương quan chuỗi bậc nhất giữa các phần dư.

Bảng 3. Bảng kiểm định Durbin-Watson

Mô hình	Hệ số R	Hệ số chi bình phương ( $R^2$ )	Hệ số chi bình phương ( $R^2$ ) hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	0,861 <sup>a</sup>	0,687	0,658	0,04478	1,937

a. Predictors: (constant), X1, X2, X3, X4

- Không có hiện tượng đa cộng tuyến

Nhìn vào cột Thống kê đa cộng tuyến (Collinearity Statistics) với hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance Inflation Factor) của các biến độc lập trong mô hình đều nhỏ hơn 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến (Bảng 4).

*Bảng 4. Bảng kiểm định đa cộng tuyến*

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	Hệ số (t)	Hệ số (Sig)	Thống kê đa cộng tuyến (Collinearity Statistics)	
		Hệ số (B)	Độ lệch chuẩn	Hệ số Beta			Dung sai điều chỉnh (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
1	(Hằng số)	1,010	0,043		23,727	0,000		
	X1. Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia	0,274	0,050	0,131	5,538	0,000	0,833	1,939
	X2. Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia	0,181	0,036	0,483	4,968	0,000	0,954	1,804
	X3. Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng	0,101	0,011	0,013	1,130	0,007	0,853	1,908
	X4. Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia	0,091	0,064	0,722	1,421	0,008	0,919	1,657

- Đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy

Kết quả từ Bảng 4 về kiểm định Durbin-Watson cho thấy hệ số R bình phương hiệu chỉnh là 0,658 nhỏ hơn hệ số R bình phương (R Square) 0,687 và dùng nó để đánh giá sự phù hợp của mô hình sẽ an toàn hơn vì nó không thổi phồng mức độ phù hợp của mô hình. Hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh là 0,658 > 0,5, điều này chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với số liệu đến mức 65,8%, quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập khá chặt chẽ. Mô hình giải thích được 65,8% tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT, còn lại 34,2% là do các yếu tố ngoài mô hình giải thích.

- Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Phân tích phương sai ANOVA (Bảng 5) cho trị số F có mức ý nghĩa Sig = 0,000 (< 0,05), có nghĩa là mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5%. Thống kê giá trị F = 18,712 được sử dụng để kiểm định giả thuyết H0: Hệ số hồi quy của các biến độc lập  $\beta_1 = \beta_2 = \beta_3 = \beta_4 = 0$  (không có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc). Ta có Sig = 0,000 < 0,05 nên bác bỏ giả thuyết H0. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình có quan hệ với biến phụ thuộc.

*Bảng 5. Bảng ANOVA<sup>a</sup> “Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT”*

Mô hình		Tổng bình phương	Hệ số Df	Trung bình bình phương	Hệ số F	Hệ số Sig
1	Hồi quy	0,447	4	0,089	18,712	.000 <sup>b</sup>
	Phần dư	0,545	114	0,005		
	Tổng	0,992	119			

a. Dependent Variable: Y

b. Predictors: (Constant), X1, X2, X3, X4

- Phương trình hồi quy

Căn cứ vào mục tiêu và nội dung nghiên cứu, nhóm tác giả chọn hệ số hồi quy chuẩn hóa (hệ số Beta) để viết phương trình hồi quy. Với kết quả trình bày ở Bảng 5, tất cả các biến đều có ý nghĩa thống kê các giá trị Sig = 0,000 (< 0,05). Như vậy, có 04 yếu tố ảnh hưởng đến Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT theo hệ số hồi quy chuẩn hóa (Beta). So sánh giá trị của  $\beta'$  ta thấy: Yếu tố “X1: Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia” có  $\beta'1 = 0,274$  có ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT; yếu tố ảnh hưởng thứ hai là X2: Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia có  $\beta'2 = 0,181$  và thứ ba là “X3: Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng” với  $\beta'3 = 0,101$  ảnh hưởng khá; và ảnh hưởng thấp nhất là X4: Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia với  $\beta'4 = 0,091$ .

Từ kết quả trên, phương trình thể hiện các yếu tố ảnh hưởng đến Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT:

$$Y = 1,010 + 0,274*X1 + 0,181*X2 + 0,101*X3 + 0,091*X4$$

Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính được xây dựng theo phương trình Y không vi phạm các giả định cần thiết trong hồi quy tuyến tính.

### 3.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

*3.2.1. Trình độ quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT:* để thực hiện vai trò dẫn dắt cộng đồng cán bộ quản lý và đại diện tổ chức cần có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm tổ chức và quản lý sự tham gia, hướng dẫn hoạt động tham gia của cộng đồng với qui mô phù hợp, đảm bảo kết quả và hiệu quả [14].

Theo báo cáo hàng năm của UBND huyện Vĩnh Lợi thì năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sơ sài, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế còn yếu. Chưa phát huy tốt tiềm năng cán bộ, năng suất lao động, hiệu quả làm việc thấp, không ít cán bộ trẻ còn thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Tình trạng cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, tiêu cực... còn diễn biến phức tạp, chậm được khắc phục [2].

*3.2.2. Cơ chế và mô hình quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT:* Hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực GTVT nói chung và CSHT GTNT được quy định tại Điều 10 Thông tư 05/2018/TT-BGTVT, Cơ chế và mô hình phân cấp quản lý cộng đồng thành nhiều nhánh, đa số là chính quyền và đại diện đoàn thể đại diện cộng đồng. Vì đại diện cộng đồng người dân, do hạn chế về trình độ chuyên môn, nên ít được khai thác [1].

Cộng đồng tham gia quản lý thường là đại diện một nhóm cộng đồng, có chức vụ trong tổ chức hành chính; Đại diện Người dân thường kết hợp với cộng đồng đoàn thể, như: Hội hưu trí, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh là khách quan và phù hợp nhất với kinh nghiệm quản lý, kiểm tra; Đại diện đoàn thể, như: Thanh niên, phụ nữ thường tham gia kiểm tra, giám sát; Cộng đồng người dân giám sát, phản ánh từ việc thụ hưởng, sử dụng, nhưng hạn chế về kinh nghiệm quản lý; Nhóm doanh nghiệp thường đóng góp kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm chuyên môn quản lý tốt; Còn chính quyền đứng vai chủ đầu tư [15].

*3.2.3. Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT:* Thực tiễn, công tác tổ chức, quản lý sự tham gia của cộng đồng chưa thực hiện một cách bài bản, nên phát sinh nhiều sai phạm dẫn đến nhiều tiêu cực; Kết quả của sự tham gia chưa đảm bảo tính công khai và minh bạch, nên chưa lôi kéo được nhiều sự tham gia và tiếp



tục tham gia của cộng đồng; Hiệu quả của tham gia còn hạn chế do thiếu kế hoạch cho từng công đoạn tham gia [6].

Hiện nay, huyện Vĩnh Lợi chưa có phương pháp thống nhất quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Đồng thời, tất cả công việc này đều do mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị đoàn thể quản lý điều hành, chưa có mô hình phù hợp cho từng lĩnh vực quản lý sự tham gia nên các phương pháp và tổ chức còn bộc phát, dẫn đến phát sinh nhiều tiêu cực, lãng phí thiếu tính minh bạch rõ ràng. Vì vậy, cần có phương pháp và mô hình quản lý cụ thể để xác lập các ưu tiên tổ chức quản lý đầu tư xây dựng dự án CSHT GTNT, thiết lập cơ chế phối hợp quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển các dự án giao thông và dự án CSHT GTNT [16].

*3.2.4. Đối tượng và đặc thù cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT:* CSHT là những tài sản hữu hình gồm đường xá, cầu cống, hệ thống thủy lợi, các công trình công cộng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, lực lượng lao động tri thức... Theo Thư viện Học liệu Mở Việt Nam - VOER (2019), thì địa bàn nông thôn rộng, dân cư phân bố không đều và điều kiện sản xuất nông nghiệp vừa đa dạng, phức tạp lại vừa khác biệt lớn giữa các địa phương, các vùng sinh thái. Hầu hết các công trình đều được sử dụng nhằm phục vụ việc đi lại, buôn bán giao lưu của tất cả người dân, tất cả các cơ sở kinh tế, dịch vụ. Trong xây dựng, mỗi loại công trình khác nhau lại có nguồn vốn khác nhau từ tất cả các thành phần, các chủ thể trong nền kinh tế quốc dân [17]. Do vậy, phương pháp và mô hình, tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT cần linh hoạt với đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia ở mỗi địa phương.

Đối tượng quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT ở huyện Vĩnh Lợi có đặc trưng nổi bật là cần có sự tham gia của mọi thành viên trong cộng đồng thôn. Điều này đã làm tăng tính kết nối giữa ban đại diện (BĐD) với các tổ chức khác trong thôn, trong xã. Trưởng thôn là người chịu trách nhiệm chính về mặt hành chính, điều hành và thực hiện mọi hoạt động chung của thôn. Ngoài ra, BĐD có sự phối hợp với các hội, tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi, Hội nông dân, Hội phụ nữ.

### **3.3. Giải pháp quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu**

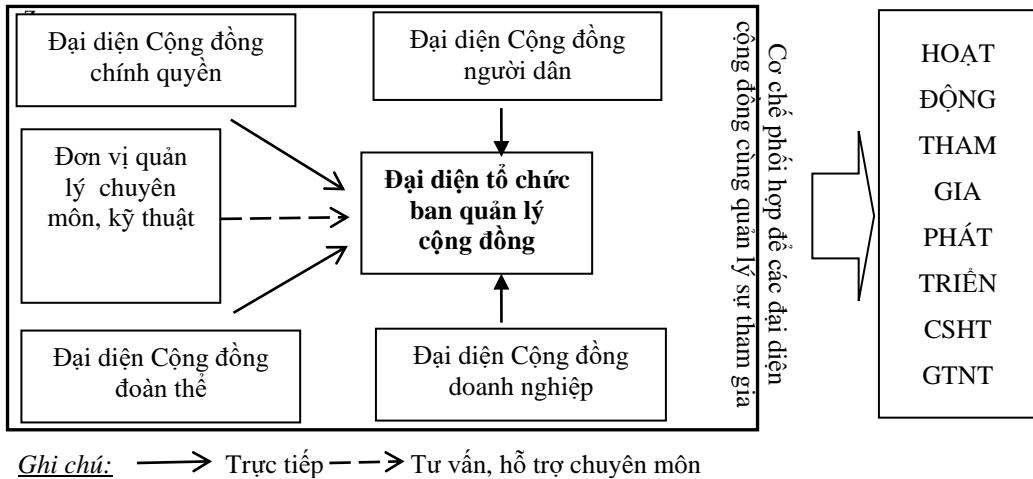
#### *3.3.1. Xây dựng mô hình, cơ chế phối hợp để các đại diện cộng đồng cùng quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn*

Từ kết quả phân tích yếu tố “Cơ chế và mô hình quản lý sự tham gia”. Tác giả đề xuất mô hình quản lý sự tham gia của đại diện cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT, nhằm khắc phục các hạn chế về chủ thể tham gia, cơ chế phối hợp cho sự tham gia và tăng cường tính linh hoạt trong quá trình tham gia quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý của các chủ thể đại diện cộng đồng (Hình 3).

1) *Cộng đồng cán bộ chính quyền*, tham gia định hướng, tư vấn, đào tạo và hướng dẫn chuyên môn cho quá trình tham gia của tất cả cộng đồng. Cán bộ chính quyền cần dựa vào các chủ trương, cơ chế của nhà nước để xây dựng cơ chế quản trị và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng địa phương...

2) *Cộng đồng người dân*, trực tiếp tham gia đóng góp tài lực, nhân lực và trí lực trong suốt quá trình của hoạt động quản trị xây dựng CSHT GTNT. Họ có thể là một thành viên hoặc một nhóm thành viên hay cả tổ chức cộng đồng tham gia dưới mọi hình thức quản lý, nên cần hiểu người dân vừa là chủ thể tham gia vừa là chủ thể hưởng lợi... Do vậy, với vai trò tham gia xuyên suốt quá trình cộng đồng người dân cần được tham gia quản lý... thông qua đại diện cộng đồng.

3) *Cộng đồng doanh nghiệp*, tham gia đóng góp các nguồn lực với cơ chế kêu gọi đầu tư, kết hợp với kêu gọi sự tham gia như chủ thể tham gia quản lý xây dựng và hưởng lợi... Thực tiễn thì, hình thức tham gia quản lý theo dạng hợp tác công-tư (PPP) cho phát triển CSHT GTNT đã được một số địa phương Việt Nam áp dụng rất thành công.



Hình 3. Mô hình, cơ chế phối hợp để các đại diện cộng đồng cùng quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

4) *Cộng đồng đoàn thể*, có nhiệm vụ quản lý, tổ chức hoạt động cộng đồng cũng như làm bộ phận nòng cốt cho đại diện tổ chức cộng đồng. Các hoạt động hỗ trợ quản lý cộng đồng của CĐĐT chủ yếu là công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia và đại diện giám sát, quản lý xây dựng CSHT GTNT...

5) *Đại diện tổ chức ban quản lý cộng đồng*, là các nhân sự được tiến cử từ các cộng đồng tham gia, có vai trò và nhiệm vụ quản lý trực tiếp mọi hoạt động tham gia, xây dựng cơ chế tham gia, triển khai và giám sát mọi hoạt động tham gia của cộng đồng. Đồng thời, chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả của hoạt động phát triển CSHT GTNT. Vì đại diện tổ chức ban quản lý cộng đồng là đại diện của các cộng đồng khác nhau tham gia quản lý, nên cần xây dựng Cơ chế phối hợp để tuân thủ, đảm bảo tổ chức hoạt động quản lý tham gia hiệu quả, tránh các xung đột về trách nhiệm, quyền lợi, quyền hạn của các bên.

6) *Các đơn vị kỹ thuật chuyên môn*, thường xuyên được chính quyền, hay đại diện tổ chức cộng đồng thuê lập dự toán, xây dựng, thi công, giám sát với các nội dung kỹ thuật mang tính chuyên môn quản lý cao mà trình độ và khả năng của tổ chức cộng đồng không đảm nhận được. Tùy vào quy mô của DACT và hoạt động cụ thể mà mô hình tham gia của cộng đồng có bao gồm các đơn vị kỹ thuật chuyên môn hay không.

3.3.2. *Nâng cao trình độ quản lý cho đại diện cộng đồng quản lý sự tham gia trong phát triển CSHT GTNT*

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng tham gia” có tác động đến quản lý sự tham gia của cộng đồng... và kết quả thảo luận. Các địa phương cần chú trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý sự tham gia, tăng cường kỹ năng vận động tuyên truyền, kỹ năng tổ chức cho tất cả các cán bộ tham gia trực tiếp vào công tác chỉ đạo và thực thi các hoạt động quản lý tổ chức cộng đồng. Thường xuyên tìm kiếm sự hỗ trợ nguồn lực từ các bên cộng đồng tham gia quản lý, phối hợp liên kết chuyển giao kinh nghiệm cho các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực quản lý phát triển CSHT GTNT [18].

### 3.3.3. Xây dựng phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT

Từ kết quả phân tích nhóm yếu tố “Phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia” và kết quả thảo luận, có hai nhóm đối tượng làm cơ sở và cơ chế xây dựng tổ chức và quản lý cộng đồng, gồm: (i) *Các nhóm hội/ tổ chức tự nguyện*, có cấu trúc tổ chức không chính thức, luân phiên. Hình thức tham gia quản lý do hội viên quyết định phương hướng hành động và bầu ra ban điều hành, quản lý. Hình thức tham gia là tự nguyện, không có lương nên việc hoạt động dựa trên sự tham gia chủ động trao đổi thông tin thông qua việc chia sẻ các câu chuyện, mẫu chuyện, kinh nghiệm thực tế, quản lý cộng đồng dựa trên phương thức trung gian, hướng dẫn; Phương thức phân quyền dựa trên sự đồng thuận, ngang bằng, bình đẳng; (ii) *Các tổ chức chính quyền/ tổ chức chính thống*, cấu trúc tổ chức chính thức, theo hệ thống cấp bậc, với hình thức tham gia được tổ chức để thực thi các nhiệm vụ khác nhau, nên quản lý được bổ nhiệm, phân công các ban điều hành, quản lý, có thể có lương, phụ cấp kiêm nhiệm, hoặc tự nguyện kiêm nhiệm không có lương. Hoạt động dựa trên các nguyên tắc, qui định và hiệu lực, vị trí là quản lý, chuyên gia tập trung quyền kiểm soát vào những người lãnh đạo, coi cộng đồng người dân như đối tượng hưởng thụ, người sử dụng.

### 3.3.4. Thường xuyên đào tạo tập huấn cho đại diện cộng đồng quản lý và tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia quản lý và đóng góp cho phát triển CSHT GTNT

Từ kết quả phân tích “đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia” và kết quả thảo luận, các địa phương cần thường xuyên *Tập huấn cho tổ chức quản lý cộng đồng*, gồm các nội dung kiến thức liên quan đến cơ chế chính sách, kinh nghiệm về tổ chức và quản lý cộng đồng trong từng nội dung phát triển CSHT GTNT, từ khâu: Xác định nhu cầu; Lập dự toán và chính sách tham gia; Quản lý sự tham gia đóng góp các nguồn lực; Quản lý thi công xây dựng; Kiểm tra, giám sát và nghiệm thu; Quản lý và bảo trì bảo dưỡng; Đánh giá hiệu quả CSHT GTNT và hiệu quả của sự tham gia của cộng đồng; Các cơ chế chính sách và nội dung cụ thể liên quan đến hoạt động và hình thức tham gia của cộng đồng; Các nội dung liên mô hình, cơ chế phối hợp giữa các bên chủ thể quản lý cộng đồng tham gia và qui trình thủ tục tham gia của cộng đồng. Các đối tượng cần tham gia tập huấn là Đại diện tổ chức quản lý cộng đồng, các ban chuyên môn, đại diện chính quyền chuyên trách, tổ chức đoàn thể và các đơn vị chuyên môn liên quan. Ở mỗi hoạt động tham gia khác nhau, thì chương trình và nội dung cần đào tạo tập huấn là khác nhau phù hợp với đại diện tổ chức cộng đồng truyền trách nắm bắt triển khai có hiệu quả hơn.

## 4. KẾT LUẬN

Quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT là khá phức tạp do tính chất đặc thù của đối tượng và chủ thể quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT với nhiều bên tham gia, với năng lực, trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng không đồng đều, cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng ở mỗi địa phương lại có đặc điểm khác nhau ... Vì vậy, cần xây dựng mô hình, cơ chế quản lý tham gia linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương, kết hợp với việc xây dựng và khuyến khích sự tham gia quản lý đi đôi với đóng góp của cộng đồng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nói riêng, Việt Nam nói chung.

Do tác động của các nhóm yếu tố ảnh hưởng, như: Trình độ và kinh nghiệm quản lý cộng đồng; Cơ chế và mô hình quản lý cộng đồng tham gia; Phương pháp và tổ chức quản lý cộng đồng tham gia và Đối tượng và đặc thù cộng đồng tham gia đến công tác quản lý sự

tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT. Do vậy, cần kết hợp linh hoạt các giải pháp quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT theo đặc thù của từng địa phương... các giải pháp ấy bao gồm: (i) Xây dựng mô hình, cơ chế phối hợp để các đại diện cộng đồng cùng quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT; (ii) Nâng cao Trình độ quản lý cho đại diện cộng đồng quản lý sự tham gia trong phát triển CSHT GTNT; (iii) Xây dựng phương pháp và tổ chức quản lý sự tham gia của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT; (iv) Thường xuyên đào tạo tập huấn cho đại diện cộng đồng quản lý và tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia quản lý và đóng góp cho phát triển CSHT GTNT.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này do Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh bảo trợ và cấp kinh phí theo Hợp đồng số 69/HĐ-DCT ngày 09 tháng 9 năm 2020.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Văn An, Ngô Đức Tùng và cộng sự - Sổ tay hướng dẫn Phát triển cộng đồng (Tài liệu dành cho người làm công tác phát triển cộng đồng), NXB Thanh niên, Hà Nội (2016) 1-124.
2. UBND Huyện Vĩnh Lợi - Số 65/BC-UBND, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Vĩnh Lợi (2019).
3. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Lợi - Báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu (2020).
4. Đinh Tuấn Hải và Nguyễn Xuân Quyết - Thực trạng quản lý hệ thống giao thông nông thôn Hà Nội trong quá trình xây dựng nông thôn mới, Tạp chí Người xây dựng **5&6** (2014) 38-40.
5. Nguyễn Xuân Quyết - Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tỉnh Đồng Nai, Luận án tiến sĩ kinh tế phát triển, Mã số 62.31.01.05, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2016) 1-150.
6. Đinh Tuấn Hải và Nguyễn Xuân Quyết - Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tỉnh Đồng Nai, Tạp chí Kinh tế xây dựng 4 (2015) 37-46.
7. Huỳnh Sử - Thanh tra tỉnh Bạc Liêu phát hiện nhiều sai phạm tại huyện Vĩnh Lợi, Tin tức thông tấn xã Việt Nam (2019), truy cập tại: <https://baotintuc.vn/phap-luat/thanh-tra-tinh-bac-lieu-phat-hien-nhieu-sai-pham-tai-huyen-vinh-loi-20191016105041380.htm>.
8. Lê Thị Thanh Hương - Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới, NXB Khoa học xã hội (2015) 78-138.
9. World Bank - The role of community participation in development planning and project management (2014), Available at: <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/downloadstats?docid=605351468739506877> >.[Accessed 07th October, 2020].
10. David Wilcox - The Guide to Effective Participation. Printed by Delta Press, Brighton (2003) 1-64
11. Jurian Edelenbos, Erik-Hans Klijn - Managing stakeholder involvement in decision making: A comparative analysis of six interactive processes in the Netherlands. Journal of Public Administration Research and Theory **16** (3) (2006) 417-446.

12. McLaverty, P. (ed.) - Public participation and innovations in community governance, Aldershot, UK: Ashgate (2002) 1-214.
13. Đinh Phi Hồ - Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông thôn, NXB Phương Đông, Cà Mau (2012) 1-428.
14. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) - Tăng cường sự tham gia vì kết quả phát triển: Hướng dẫn của Ngân hàng Phát triển Châu Á về sự tham gia (2012) 1-63.
15. Nguyễn Đức Vinh, Đinh Thị Vinh - Phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào nội lực và do người dân làm chủ (Tài liệu tập huấn), Trung tâm Trao đổi giáo dục với Việt Nam, Kiên Giang (2012) 1-62.
16. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Lợi - Kế hoạch dự kiến chi tiết đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện trên địa bàn huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu (2020).
17. Thư viện Học liệu Mở Việt Nam (VOER) - Cơ sở hạ tầng Giao thông nông thôn (2019), truy cập tại: <https://voer.edu.vn/m/co-so-ha-tang-giao-thong-nong-thon/d7bcc8f9>.
18. UBND Huyện Vĩnh Lợi - Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020 (2020).

## ABSTRACT

### ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING THE MANAGEMENT OF COMMUNITY PARTICIPATION IN RURAL INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT IN VINH LOI DISTRICT, BAC LIEU PROVINCE

Nguyen Xuan Quyet

*Ho Chi Minh City University of Food Industry*

Email: [quyetnx@hufi.edu.vn](mailto:quyetnx@hufi.edu.vn)

In the years 2017-2019, Vinh Loi District People's Committee mobilized to renew 151.05 km and upgrade 115.1 km of rural roads and hundreds of bridges. Community contribution accounted for nearly 5.74% of total cost of 973.85 billion VND. In principle, projects with capital contribution from the community must have the community participation in management and supervision of project planning, implementation, and community benefit. However, the management mechanism and the participatory management model still show many shortcomings, the management capacity has not met the requirements, leading to many mistakes, causing suspicions, complaints, disunity. Based on the assessment of the current situation and analysis of 04 groups of influencing factors, including: Management qualifications; Management mechanism and model; Method and organization of community participation management; Subjects and characteristics of the community participating and based on the survey results of 120 representatives in the study area, the article proposes 04 groups of solutions to enhance community participation management in rural transport infrastructure development in Vinh Loi district, Bac Lieu province and Viet Nam.

*Keywords:* Participation management, community participation, infrastructure, rural transport.